

Bản án số: 305/2024/DS-PT
Ngày 15/4/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Nguyễn Khắc Vương

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quang Phúc.

Ông Đào Hồng Cảnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên -Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đào Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 644/2023/DSPT ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 370/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 891/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4297/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: 130 đường Phan Đăng Lưu, PH B, quận P, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Trung P, sinh năm 1967 – Giám đốc Chi nhánh Quận M – Ngân hàng TMCP Đ (có mặt).

Địa chỉ tH trú: 30 đường C12, PH 13, quận T, Thành phố H

Địa chỉ liên lạc: 56-58 đường Nguyễn Công Trứ, pH N, Quận M, Thành phố H.

(Là người đại diện theo ủy quyền, Quyết định ủy quyền số: 163/2023/QĐ-DAB-HĐQT-PC ngày 08/8/2022).

- **Bị đơn:** Bà Đặng Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: 394/953 đường Nguyễn Tri Phương, PH 4, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Công ty cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: 4-6 đường H, pH n, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Đặng Thị Ngọc L, sinh năm 1973 (có mặt).

2/ Ông Võ Hoàng P, sinh năm: 2000 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 4-6 đường H, pH n, Quận M, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty cổ phần S: Luật sư Lê Thị H - Công ty Luật TNHH Lưu Vũ thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty cổ phần S.

NHẬN THẤY:

****Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn xác định:***

Ngày 28/6/2011, Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Quận M (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết với bà Đặng Nguyễn Hoàng V Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số: 129/TC-01/2011. Theo hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức thấu chi (hạn mức vay) cho bà Đặng Nguyễn Hoàng V là 1.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn là 1,95%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; thời hạn thấu chi (thời hạn vay) là 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng cấp hạn mức thấu chi cho bà V; hình thức bảo đảm thấu chi là tín chấp.

Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã cấp hạn mức thấu chi 1.000.000.000 đồng cho bà V theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 28/6/2011, bà V đã rút tiền mặt từ tài khoản thẻ thấu chi (do Ngân hàng cấp cho bà V) với số tiền là 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 28/6/2012 là ngày hết hạn hợp đồng vay nhưng bà V vẫn không trả đầy đủ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Bà V mới trả cho Ngân hàng được 2.760.000 đồng tiền nợ gốc. Số nợ gốc còn lại là 997.240.000 đồng cùng khoản lãi phát sinh thì bà V vẫn không chịu trả cho Ngân hàng. Do đó ngày 25/5/2016, Ngân hàng đã khởi kiện bà Đặng Nguyễn Hoàng V đến Tòa án để thu hồi nợ.

Ngân hàng yêu cầu bà Đặng Nguyễn Hoàng V phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 5.223.654.010 đồng gồm: Nợ gốc còn lại là 997.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn 237.900.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.988.514.010 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Đặng Hoàng V còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số: 129/TC-01/2011 ngày 28/6/2011.

Về yêu cầu độc lập của bị đơn với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Ngân hàng không có ý kiến gì. Ngân hàng xác định khoản vay trên là của cá nhân bà Đặng Nguyễn Hoàng V với Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà V trả nợ cho Ngân hàng.

****Bà Đặng Nguyễn Hoàng V trình bày:***

Bà là nhân viên của Công ty Cổ phần sản xuất Xuất nhập khẩu Lâm sản và hàng tiêu thủ công (sau đây gọi tắt là Công ty U). Vào tháng 6/2010 bà và một số nhân viên Công ty U được ông Trương Vui (khi đó là Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty U) thông báo tình hình tài chính của Công ty đang gặp khó khăn. Do Công ty U đã có khoản nợ quá hạn tại Ngân hàng nên không thể trực tiếp đứng ra vay tiền của Ngân hàng. Trong thời gian đó, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận M đang có chính sách cho vay thấu chi. Do đó, Công ty U đã nhờ bà và một số nhân viên trong Công ty U đứng tên trên hợp đồng vay thấu chi để Công ty U có tiền trả nợ quá hạn cho Ngân hàng. Do bà đã làm việc và gắn bó với Công ty U nhiều năm và bản thân bà cũng mong muốn Công ty U vượt qua khó khăn về tài chính. Do đó, bà đã chấp nhận đề nghị của Công ty U và đứng ra vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận M giúp cho Công ty U. Khoảng tháng 6/2010 sau khi hoàn tất các thủ tục vay, bà đã được Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận M giải ngân. Tuy nhiên, bà chỉ đứng ra ký kết và làm các thủ tục theo yêu cầu của Ngân hàng mà không trực tiếp nhận tiền của Ngân hàng. Tiền được Công ty U nhận và lại làm thủ tục trả nợ cho Ngân hàng.

Đến tháng 6/2011 khi đến hạn trả nợ gốc và lãi thì Công ty U đã đưa tiền cho bà để nộp tiền trả nợ cho Ngân hàng. Sau đó, ngày 28/6/2011, U lại nhờ bà đứng ra ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Quận M, Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số: 129/TC-01/2011. Theo hợp đồng, Ngân hàng đồng ý cấp hạn mức vay thấu chi cho bà là 1.000.000.000 đồng với lãi suất trong hạn là 1,95%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 28/6/2011; hình thức bảo đảm thấu chi là tín chấp. Tuy nhiên cũng như lần trước, bà chỉ đứng ra làm thủ tục vay giúp cho Công ty U mà không được nhận tiền từ Ngân hàng. Sau đó, Ngân hàng không hề liên hệ với bà để đòi nợ vay. Tuy nhiên năm 2013, ông Trương Vui là người đại diện theo pháp luật của Công ty U bị cơ quan Công an bắt để điều tra về một số sai phạm trong quản lý điều hành Công ty U. Khi đó, Công ty U không chịu thanh toán tiền vay cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã buộc bà phải đứng ra trả khoản tiền vay theo hợp đồng nói trên. Bà không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng vì bà chỉ là người đứng ra vay tiền giúp Công ty U. Do đó Ngân hàng phải đòi Công ty U hoàn trả khoản nợ nêu trên. Trong trường hợp nếu bà buộc phải trả nợ cho Ngân hàng thì bà Bà V có yêu cầu độc lập buộc Công ty U phải hoàn trả lại cho bà toàn bộ số tiền gốc và lãi mà bà phải đứng ra trả nợ cho Ngân hàng.

****Người đại diện theo ủy quyền của Công ty U trình bày:***

Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Quận M khởi kiện bà Đặng Nguyễn Hoàng V để đòi nợ vay trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số: 129/TC-01/2011 ngày 28/6/2011 thì Công ty U không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Đặng Nguyễn Hoàng V buộc Công ty U trả khoản nợ vay theo Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số: 129/TC-01/2011 ngày 28/6/2011 giữa Ngân hàng với bà Đặng Nguyễn Hoàng V thì Công ty U không đồng ý vì lý do: Bà Đặng Nguyễn Hoàng V không phải là nhân viên Công ty U. Tại Công ty U, bà V không có hợp đồng lao động và bảng lương chi trả. Ông Trương Vui làm bằng xác nhận bà V là nhân viên Công ty U là không đúng. Việc vay vốn, cấp hạn mức thẻ thấu chi là quan hệ giữa Ngân hàng và bà V. Công ty U không bảo lãnh cho bà V vay tiền Ngân hàng nên Công ty U không có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng không yêu cầu Công ty U thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đối với bằng xác nhận nợ của các cá nhân là do ông Trương Vui lạm dụng chức vụ quyền hạn ở Công ty U xác nhận với tư cách cá nhân mà không thông qua Hội đồng quản trị của Công ty U. Theo điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty U không có chủ trương đồng ý để cá nhân vay nợ giùm Công ty U. Việc thỏa thuận giữa ông Trương Vui, bà Đặng Nguyễn Hoàng V và Ngân hàng là quan hệ trái quy định của pháp luật. Bà V không phải là nhân viên của Công ty U, vì vậy các bên không thể lập hồ sơ vay vốn Ngân hàng và xác nhận nợ vay. Công ty U cho rằng ông Trương Vui ký bằng xác nhận mang tính chất cá nhân nên Công ty U không chịu trách nhiệm với bằng xác nhận do ông Trương Vui ký.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 370/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357; khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 86; Điều 93; Điều 280; Điều 281; Điều 285, Điều 290 và Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bị đơn.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 04/10/2023 Công ty U nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Luật sư H và đại diện hợp pháp Công ty U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng bà V không phải là nhân viên Công ty U, do đó ông Trương Vui đã xác nhận văn bản ngày 26/12/2012 là giả tạo, không đúng sự thật. Bà V không chứng minh được Công ty U có hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận đề nghị bà V vay tiền cho Công ty U. Năm 2011 Công ty U không có chủ trương nhờ các cá nhân vay vốn giùm, không có bất kỳ biên bản cuộc họp hay nghị quyết nào thể hiện nội dung huy động vốn hoặc chấp nhận cho ông Trương Vui ký văn bản xác nhận ngày 26/12/2012. Việc ông Trương Vui xác nhận là cá nhân của ông Vui chứ không phải của Công ty U. Do đó, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà V. Ngoài ra Công ty U cho rằng vụ án này đã hết thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án.

- Bà Đặng Hoàng V và Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa xử y án sơ thẩm, bác kháng cáo của Công ty U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của Công ty U và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần S nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2].Xét kháng cáo của Công ty U:

- Về thời hiệu: Công ty U cho rằng vụ án này đã hết thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ giải quyết vụ án. Xét thấy tại cấp sơ thẩm Công ty U không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này đối với Công ty U.

- Đại diện hợp pháp Công ty U và Luật sư H cho rằng bà V không phải là nhân viên Công ty U, do đó ông Trương Vui đã xác nhận văn bản ngày 26/12/2012 là giả tạo, không đúng sự thật. Việc ông Trương Vui xác nhận là cá nhân của ông Vui chứ không phải của Công ty U. Xét thấy, tại thời điểm ông Trương Vui ký văn bản ngày 26/12/2012 về việc vay thấu chi giùm Công ty U tại DongABank là người đại diện theo pháp luật của công ty, Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị . Nội dung bản xác nhận ngày 26/12/2012 đã ghi rõ: *"Công ty U xác nhận các CB- CNV đã đứng ra vay thấu chi giùm và đã nộp số tiền vay này về Công ty U..."*. Cuối bản xác nhận có ghi Công ty U, ông Trương Vui ký và đóng dấu Công ty U. Ngoài ra tại phiên tòa hôm nay, bà V khẳng định từ trước đến nay có vay giùm Công ty U 02 lần, hợp đồng trước bà V tất toán vào ngày 27/6/2011 với số tiền 1.202.338.549 đồng và ngày 28/6/2011 bà V tiếp tục vay giùm Công ty U 1.000.000 đồng. Lời khai này của bà V phù hợp với phiếu chi ngày 27/6/2011, phiếu thu ngày 28/6/2011 của Công ty U và cũng phù hợp với bảng sao kê chi tiết phát sinh của Ngân hàng Đ.

Từ những căn cứ trên đủ cơ sở khẳng định bà Đặng Nguyễn Hoàng V là người *đứng ra vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Quận M giùm cho Công ty U theo HĐTD số: 129/TC-01/11 ngày 28/6/2011 với số tiền vay 1.000.000.000 đồng*. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Công ty U có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Nguyễn Hoàng V số tiền 5.226.414.010 đồng bao gồm tiền mà bà V trả cho Ngân hàng là 5.223.654.010 đồng và số tiền gốc mà trước đó Ngân hàng đã thu của bà V 2.760.000 đồng là có căn cứ.

Vì vậy yêu cầu kháng cáo của Công ty U cho rằng ông Trương Vui xác nhận văn bản ngày 26/12/2012 là cá nhân của ông Vui chứ không phải của Công ty U là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3].Những phần khác của bản án sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5].Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty U phải chịu số tiền án phí phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 370/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Đặng Nguyễn Hoàng V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 5.223.654.010 đồng (năm tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi tư nghìn, không trăm mười) gồm: Nợ gốc còn lại là 997.240.000 đồng (chín trăm chín mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi nghìn), nợ lãi trong hạn 237.900.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu, chín trăm nghìn đồng), nợ lãi quá hạn là 3.988.514.010 đồng (ba tỷ chín trăm tám mươi tám triệu, năm trăm mười bốn nghìn không trăm mười).

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 16/9/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) trên nợ gốc còn lại cho đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ số: 129/TC-01/2011 ngày 28/6/2011.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bị đơn: Buộc Công ty cổ phần S có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Nguyễn Hoàng V số tiền 5.226.414.010 đồng (năm tỷ, hai trăm hai mươi sáu triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, không trăm mười đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Nguyễn Hoàng V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.223.654 đồng (một trăm mười ba triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm năm mươi tư đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng Đặng Nguyễn Hoàng V đã nộp là 56.055.666 đồng (năm mươi sáu triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2019/0014961 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Nguyễn Hoàng V phải tiếp tục nộp 57.167.988 đồng (năm mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi tám) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty cổ phần S phải chịu 113.226.414 đồng (một trăm mười ba triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn, bốn trăm mười bốn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 42.233.750 đồng (bốn mươi hai triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AE/2014/0000050 ngày 15/6/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Công ty cổ phần S phải chịu số tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty cổ phần S đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0035448 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M0, Thành phố Hồ Chí Minh sang thành án phí. Công ty cổ phần S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận M0 TP.HCM;
- Chi cục THA DS Quận M0;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khắc Vương